TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2022/QĐST-HNGĐ	*Đam Rông, ngày 27 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông K’ Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn M, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Nguyễn Thị Mến, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn M, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông K’ Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/4/2015. Hôn nhân do hai bên tự nguyện. Thời gian đầu, hai vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Trong quá trình chung sống, do hai vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, căng thẳng và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Từ cuối năm 2020 đến nay, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, dù được gia đình hai bên động viên, hòa giải, thuyết phục để vợ chồng về đoàn tụ nhưng ông, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy ông bà yêu cầu Tòa

án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu thuận tình ly hôn của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, và không trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là K' Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 06/5/2015. Ly hôn, hai vợ chồng thỏa thuận bà M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ đến khi trưởng thành, ông K' Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng (bắt đầu từ tháng 4 năm 2022) đến khi cháu Đ trưởng thành theo quy định của pháp luật (đủ 18 tuổi). Xét sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, và không trái pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác định không có.

[5] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị M thỏa thuận chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông K' Đ thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi con chung tên K' Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 06/5/2015 cho đến khi con trưởng thành, ông K' Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng (bắt đầu từ tháng 4 năm 2022) đến khi cháu Đ trưởng thành theo quy định của pháp luật (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1.3 Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị M thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà M đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006100 ngày 10/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Đam Rông (02);
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

THẨM PHÁN

Hà Hải Dương